

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/ HS-PT
Ngày 21 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Long và ông Trần Công Đoàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký TAND tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2023/TLPT-HS ngày 27 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Vũ Văn K, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam.

- **Bị cáo kháng cáo:** Vũ Văn K, sinh năm 1980 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3, ngách 41/35 Đ, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: 108, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trọng T và bà Lê Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Mai Anh Đ (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2023, hiện bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

- **Những người tham gia tố tụng không kháng cáo, kháng nghị:**

+ **Bị hại:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện máy A; địa chỉ: Cụm Công nghiệp sạch, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn V - Giám đốc; vắng mặt.

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Vũ Thị N, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Điện máy A (viết tắt công ty A) được thành lập ngày 28/7/2000; địa chỉ trụ sở: Cụm Công nghiệp sạch, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; đại diện theo pháp luật ông Đào Văn V - Giám đốc. Ngày 29/6/2021, Công ty A thành lập Cửa hàng điện máy T (viết tắt cửa hàng T), mã số địa điểm kinh doanh: 00001, địa chỉ: thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam, do ông Đào Văn V đứng đầu. Ngày 20/8/2020, Công ty ASC ký hợp đồng lao động với Vũ Văn K; ngày 20/5/2021 Vũ Văn K được bổ nhiệm giữ chức vụ Quản lý điều hành cửa hàng T, với nhiệm vụ được giao: Quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của cửa hàng, quản lý các đại lý, điều phối hoạt động kinh doanh của cửa hàng đồng thời là nhân viên kinh doanh. Cùng ngày, công ty A có Quyết định bổ nhiệm thủ kho kiêm thủ quỹ của địa điểm kinh doanh nhưng không có hợp đồng lao động đối với chị Vũ Thị N, với nhiệm vụ: Thủ kho, xuất nhập hàng hóa và thu chi tài chính.

Theo dõi hoạt động của cửa hàng điện máy T, ông Đào Văn V thấy doanh số của cửa hàng ngày càng giảm, công nợ nhiều. Ngày 25/7/2022, Công ty tiến hành kiểm tra sổ hàng thực tế tồn tại cửa hàng đồng thời tiến hành trực tiếp xác minh việc bán hàng của Vũ Văn K tại một số đại lý thì phát hiện công nợ thực tế các đại lý xác nhận không đúng với hoá đơn bán hàng K báo nợ về công ty. Ngày 15/10/2022, ông V đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Hà Nam để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Theo đơn trình báo, ông V xác định quá trình làm việc tại cửa hàng với nhiệm vụ được giao, K đã chiếm đoạt tài sản của công ty với tổng số tiền là 415.787.500 đồng; Vũ Thị N gây thất thoát tài sản của công ty trị giá là 563.447.792 đồng.

Kết quả điều tra xác định trong thời gian thực hiện nhiệm vụ quản lý và bán hàng từ ngày 24/01/2022 đến ngày 16/8/2022, bằng thủ đoạn sửa chữa, tự viết hoá đơn bán hàng cho các đại lý, Vũ Văn K đã chiếm đoạt số tiền 280.850.000 đồng của Công ty, cụ thể:

Đối với đại lý S do chị Nguyễn Thị Kim T, trú tại phố C, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 12.840.000 đồng. Thực tế xác định: Lần 1 vào ngày 24/01/2022 K giao đơn hàng trị giá 10.840.000 đồng, đại lý S đã thanh toán đủ số tiền theo đơn (*K tự triết khấu 40.000 đồng cho đại lý*). K chuyển về cho kế toán số tiền 8.800.000 đồng và báo nợ về công ty số tiền 2.000.000 đồng, K đã chiếm đoạt số tiền này. Lần 2 vào ngày 18/4/2022 K lấy hàng của cửa hàng mang đi bán lẻ cho khách, tự viết hoá đơn và báo nợ của đại lý về công ty số tiền 10.840.000 đồng. Như vậy, cả 02 lần K đã chiếm đoạt của Công ty A tổng số tiền 12.840.000 đồng.

Đối với đại lý Đ do anh Lê Đăng T, trú tại thôn T, xã C, huyện P, TP. Hà

Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về, đại lý nợ 6.600.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý sau khi nhập hàng đều đã thanh toán ngay. Hoá đơn ngày 21/02/2022 đại lý không nhập hàng, chữ ký phần khách hàng không phải của đại lý. Như vậy, K đã lấy hàng của cửa hàng mang đi bán lẻ cho khách, tự viết hoá đơn ghi nợ cho đại lý và đã chiếm đoạt số tiền 6.600.000 đồng.

Đối với đại lý H do anh Đinh Văn H, trú tại thôn T 1, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam làm chủ: Quá trình K bán hàng, đại lý đều đã thanh toán tiền đầy đủ cho K. Các ngày 23/02/2022, 20/7/2022, K tự lấy hàng của cửa hàng điện máy T rồi mang đi bán lẻ cho khách được tổng số tiền 3.650.000 đồng, sau đó K tự viết hoá đơn bán hàng rồi ghi nợ cho đại lý, đại lý xác nhận không nhập các đơn hàng này. K đã chiếm đoạt số tiền 3.650.000 đồng.

Đối với đại lý V do anh Vương Văn P, trú tại thôn B, xã H, huyện H, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 13.100.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý không nhập đơn hàng ngày 25/01/2021 và ngày 19/3/2022; K tự lấy hàng của cửa hàng mang đi bán lẻ cho khách, tự viết hoá đơn và báo nợ của đại lý về công ty số tiền 13.100.000 đồng, K đã chiếm đoạt số tiền này.

Đối với đại lý N do anh Lê Ngọc N, trú tại thôn A, xã L, huyện M, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 12.000.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý N sau mỗi lần nhập hàng của K đều đã thanh toán đầy đủ tiền cho K, đại lý không còn nợ. K đã chiếm đoạt số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra ngày 24/3/2021, K giao đơn hàng quạt cho đại lý N trị giá 42.111.000 đồng, đại lý đã thanh toán tiền cho K. Khoảng đầu năm 2022, do không bán được hàng đại lý đã trả lại cho K một số quạt trong đơn hàng ngày 24/3/2021 trị giá 21.350.000 đồng để đổi mẫu quạt khác. K mang quạt đi bán không nhập về cửa hàng, không trả tiền hoặc đổi hàng quạt khác cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 21.350.000 đồng. Công ty A đã phải khắc phục trả cho đại lý số hàng quạt khác trị giá 21.350.000 đồng.

Đối với đại lý T do chị Nguyễn Thị T, trú tại thôn C, xã V, huyện K, tỉnh Hà Nam làm chủ, hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 2.770.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 18/4/2022 đại lý T nhập đơn hàng trị giá 2.770.000 đồng và đã thanh toán tiền mặt đầy đủ cho K khi nhập hàng, K không chuyển tiền về cho kế toán và báo nợ cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 2.770.000 đồng.

Ngày 02/5/2022, K ký nhận 01 xe hàng từ kho Công ty điện máy A trị giá 78.120.000 đồng. Sau khi nhận chuyển hàng, K cùng lái xe của cửa hàng là Đỗ Văn Đ, trú tại thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình mang hàng đi bán, K bán cho đại lý N 01 loa LX590 trị giá 6.600.000 đồng rồi báo về Công ty, số hàng còn lại trên xe trị giá 71.520.000 đồng, K không nhập về cửa hàng và không có tài liệu chứng minh K đã nhập số hàng còn lại về cửa hàng. K đã chiếm đoạt số hàng trị giá 71.520.000 đồng.

Khoảng cuối tháng 5/2022, Công ty Cổ phần quốc tế L (viết tắt công ty L) có địa chỉ tại xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình triển khai gói sản phẩm khuyến mại nhãn hiệu AAR. Công ty đã thông báo đến toàn bộ nhân viên kinh doanh, trong đó có Vũ Văn K để quảng cáo bán gói sản phẩm của công ty L. Khách hàng mua đủ gói sản phẩm sẽ được khuyến mại bằng 01 chuyến du lịch đi Phú Quốc hoặc sẽ được quy ra sản phẩm hoặc bằng tiền trị giá từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng tùy thuộc vào từng thời điểm của chương trình khuyến mại. Quá trình đi bán hàng K giới thiệu gói sản phẩm khuyến mại cho đại lý “*Dương Hoàng*” có địa chỉ tại tổ 3, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam do ông Dương Quốc H làm chủ đại lý, ông H đăng ký mua 02 gói sản phẩm của nhãn hàng AAR, K chụp phiếu đăng ký của đại lý D gửi lên nhóm Zalo của Công ty để thông báo nhưng thực tế D chỉ mua 01 gói khuyến mại của Công ty A. Tổng các đại lý ở Hà Nam đăng ký 05 gói khuyến mại của Công ty A. Ngày 04/6/2022, Công ty Cổ phần quốc tế L đã giao 05 gói sản phẩm của nhãn hiệu AAR về cửa hàng T, mỗi gói sản phẩm đều thiếu mã sản phẩm Micro không giây MI30 và mã sản phẩm nâng tiếng S68 do N ký nhận. Sau đó N chụp hoá đơn nhập hàng gửi vào nhóm Zalo của Công ty để báo 5 gói sản phẩm. Ông Đào Văn V, Giám đốc công ty A đọc và biết tại cửa hàng vẫn còn mã sản phẩm S68. Do đại lý D có nhu cầu mua gói khuyến mại trước nên K đã chủ động liên hệ với ông V để lấy đủ sản phẩm cho cửa hàng. Ngày 06/6/2022 ông V liên hệ mượn được 02 sản phẩm Micro không giây MI30 của Công ty Cổ phần phát triển thương mại và ứng dụng công nghệ Việt (Công ty công nghệ Việt) có địa chỉ tại số 921 đường C, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình do anh Phạm Trung K làm giám đốc rồi báo cho K trực tiếp đến Công ty công nghệ Việt ký, nhận 02 sản phẩm AAR MI30 về cửa hàng để giao hàng cho khách theo Hóa đơn bán hàng số HD059457. Ngày 14/6/2022, K nhận hàng lên xe đi giao 01 gói du lịch nhãn hiệu AAR gồm 06 sản phẩm (*Loa Full AAR- JB12S (New), Bộ đẩy công suất AAR – S2600 (New), Loa Sub AAR-SB568 (New), Vang cơ AAR-CX888, Micro không dây AAR-MI30 (New), Nâng tiếng AAR-S68*) cho đại lý H tổng hoá đơn trị giá 20.860.000 đồng, K viết hoá đơn số 0042 và nhận đủ số tiền 20.860.000 đồng từ đại lý rồi giao cho ông Dương Quốc H 01 tờ hoá đơn liên in qua giấy than. Sau đó K tự ý lấy hoá đơn số 0043 của Công ty A viết lại hoá đơn bán cho đại lý D gói sản phẩm AAR nhưng giảm số lượng xuống còn 02 sản phẩm (*Loa Full AAR- JB12S (New), Bộ đẩy công suất AAR – S2600 (New)*) trị giá đơn hàng còn 13.300.000 đồng (*không báo về công ty 04 sản phẩm còn lại là Loa Sub AAR-SB568 (New), Vang cơ AAR-CX888, Micro không dây AAR-MI30 (New), Nâng tiếng AAR-S68*)) và nộp hoá đơn số 0043 cùng số tiền 13.300.000 đồng về cho kế toán Vũ Thị N để N chụp hoá đơn và báo về Công ty, còn hoá đơn số 0042 K không giao cho N. Khoảng đầu tháng 8/2022, Công ty A rà soát các đại lý mua gói sản phẩm AAR đủ điều kiện được hưởng khuyến mại. Theo đơn bán hàng K nộp về được N chụp lại và gửi vào nhóm

zalo của Công ty, đại lý D mua đơn hàng trị giá 13.300.000 đồng nên không đủ điều kiện được hưởng gói du lịch. Ông Dương Quốc H chủ đại lý phản hồi với Công ty A và cung cấp hoá đơn đã nhập gói hàng đủ 06 sản phẩm như trên trị giá 20.860.000 đồng, đủ điều kiện được hưởng gói du lịch. Đến tháng 9/2022, Công ty A phải bù tiền để đại lý D được hưởng gói khuyến mại trị giá 9.000.000 đồng. Như vậy, K đã tự ý viết lại hóa đơn bán hàng sang một hóa đơn bán hàng khác với số lượng bán hàng giảm từ 06 sản phẩm xuống còn 02 sản phẩm để chiếm đoạt của công ty A số tiền 7.560.000 đồng và gây thiệt hại cho Công ty số tiền 9.000.000 đồng (*tiền khuyến mại gói sản phẩm trị giá 20.860.000 đồng*).

Đối với Đại lý T do anh Bùi Văn T, trú tại chợ B thuộc xã T, huyện P, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ là 9.120.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 05/6/2022 đại lý có nhập đơn hàng của K trị giá 9.120.000 đồng, sau khi nhập hàng đại lý đã thanh toán đầy đủ tiền cho K, nhưng K không chuyển về cho kế toán mà ghi nợ cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 9.120.000 đồng.

Đối với đại lý P do ông Nguyễn Tấn N, trú tại thôn C, xã S, thị xã D, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 2.700.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý sau khi nhập hàng đều đã thanh toán hết, K đã nhận tiền thanh toán từ đại lý sau khi giao hàng. Ngày 14/6/2022, đại lý xác nhận không nhập hàng hay thanh toán tiền với Vũ Văn K. K tự viết hoá đơn bán hàng trị giá 7.700.000 đồng rồi nhập về kế toán số tiền 5.000.000 đồng đại lý đã thanh toán, giữ lại 2.700.000 đồng chi tiêu cá nhân. K đã chiếm đoạt số tiền 2.700.000 đồng.

Đối với đại lý Đ do chị Phạm Thị L, trú tại thôn X, xã H, huyện M, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 26.820.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý đã thanh toán số tiền 16.620.000 đồng còn nợ là 10.200.000 đồng (đến nay đã thanh toán cho Công ty). K đã chiếm đoạt số tiền 16.620.000 đồng.

Đối với đại lý K do chị Trần Thị G, trú tại thôn P 1, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 4.800.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 22/6/2022 K gửi tại đại lý 02 quạt mã L86 và 01 quạt mã L5800 trị giá 4.800.000 đồng. Đại lý đã bán được 01 quạt mã L5800 trị giá 3.100.000 đồng rồi thanh toán số tiền trên cho K. K không chuyển số tiền trên về kế toán, vẫn ghi nợ cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 3.100.000 đồng. Còn 01 quạt mã L86 đại lý bán được và thanh toán 1.700.000 đồng cho Công ty A.

Đối với đại lý N do ông Nguyễn Duy N, trú tại số 65, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 8.950.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 30/6/2022 đại lý không nhập đơn hàng trị giá 18.950.000 đồng. K lấy hàng của cửa hàng mang đi bán và tự viết hoá đơn rồi viết thêm vào hoá đơn nội dung “*Đã thanh toán 10.000.000 đồng...*”, nhập hóa đơn cùng số

tiền 10.000.000 đồng về kế toán, báo nợ của đại lý về công ty số tiền 8.950.000 đồng, K đã chiếm đoạt số tiền này. Ngoài ra, đại lý nhập 01 đơn hàng hưởng gói du lịch trị giá 9.000.000 đồng, nhưng K không báo về Công ty dẫn đến Công ty đã phải chi trả cho đại lý 01 gói du lịch trị giá 9.000.000 đồng.

Đối với đại lý A, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 6.380.000 đồng nhưng xác minh thực tế K tự lấy hàng của cửa hàng mang đi bán rồi tự viết hoá đơn vào ngày 30/6/2022 và báo nợ của đại lý về công ty. Đây là đại lý do K tự nghĩ ra. K đã chiếm đoạt số tiền 6.380.000 đồng.

Đối với đại lý Đ do ông Phạm Văn N, trú tại thôn T, xã Q, huyện P, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn gửi về công ty, đại lý nợ 5.000.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý đã thanh toán tiền sau khi nhập hàng. Công ty không có hoá đơn chứng minh nợ cũ của đại lý đối với khoản nợ 5.000.000 đồng, do đó không có căn cứ chứng minh làm rõ theo quy định pháp luật. Khoảng tháng 6/2022 đại lý có nhập đơn hàng của nhãn hiệu AAR trị giá 20.860.000 đồng và được hưởng gói du lịch trị giá 9.000.000 đồng do K giao. K không báo về Công ty, dẫn đến Công ty A phải chi trả gói khuyến mại trị giá 9.000.000 đồng cho đại lý.

Đối với đại lý D do ông Nguyễn Bá K, trú tại thôn G, xã P, huyện X, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 32.090.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý có nợ 12.730.000 đồng, thể hiện tại 04 lần nhập hàng các ngày 08/6; 14/6; 11/7 và ngày 24/7/2022. Tuy nhiên, sau khi bán hàng cho đại lý K đều tự viết lại hoá đơn không đúng với mặt hàng và giá trị đơn hàng đã bán cho đại lý, viết thêm mặt hàng và ghi nợ cho đại lý là 32.090.000 đồng và lấy hàng của cửa hàng đi bán. Như vậy, K đã chiếm đoạt số tiền 19.360.000 đồng.

Đối với đại lý V do ông Lã Văn V, trú tại tổ dân phố N, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam làm chủ có ghi nợ 4.530.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý không có nợ. Ngày 18/7/2022 K tự lấy hàng của cửa hàng mang đi bán, sau đó tự viết hoá đơn và báo không nợ của đại lý về Công ty số tiền 4.530.000 đồng, K đã chiếm đoạt số tiền này. Ngoài ra, K mượn của đại lý 01 loa F12 trị giá 6.350.000 đồng mang đi bán chưa trả tiền hoặc trả loa cho đại lý và cũng không nhập về công ty. Công ty A đã khắc phục trả lại tài sản trên cho đại lý.

Ngày 19/7/2022, K nhận hàng từ cửa hàng rồi chở hàng giao bán cho đại lý "*Lương Hương*" có địa chỉ tại phố X, xã T, huyện T, TP. Hà Nội 01 đơn hàng gồm 05 sản phẩm (*D4505 M, D4505, T4505, LN4007, T4003*) trị giá 15.736.000 đồng, chiết khấu 5% giá trị, đơn hàng còn lại số tiền 14.590.000 đồng. Sau khi giao hàng xong, chủ đại lý là chị Lương Thị H, đã thanh toán đủ số tiền 14.590.000 đồng cho K, trong đó thanh toán tiền mặt 12.000.000 đồng, chuyển khoản cho K 2.450.000 đồng (*K tự giảm giá đơn hàng cho đại lý 140.000 đồng*), khi K nhận đủ số tiền thì viết hoá đơn số 0012 ghi nội dung

“*Đã thanh toán 14.590.000 đồng*” đưa cho chị H giữ 01 bản hoá đơn liên in giấy than. Trên đường đi giao hàng, K lấy hoá đơn số 0012 tự ý viết thêm bên dưới hóa đơn nội dung “*Đã thanh toán 12.000.000 đồng*”. Chiều cùng ngày, K thực hiện đúng nội quy, quy chế làm việc, biên bản họp của Công ty A nộp hoá đơn và bàn giao số tiền 12.000.000 đồng cho thủ kho kiêm thủ quỹ, kế toán Vũ Thị N. Sau đó N đã chụp hoá đơn gửi lên nhóm Zalo của Công ty để báo cáo nợ đối với đại lý L là 2.590.000 đồng (*K viết nhỏ bên cạnh số tiền 2.450.000 đồng*). Như vậy, K đã chiếm đoạt số tiền 2.590.000 đồng của Công ty.

Đối với đại lý V do ông Nguyễn Trần L, trú tại thôn T2, xã S, huyện K, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về, đại lý có nợ 16.400.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý có nợ là 6.100.000 đồng, ngày 19/7/2022 đại lý và K đã chốt nợ cuối kỳ. Lần 1, ngày 20/7/2022 đại lý đã chuyển khoản cho K 3.000.000 đồng nhưng K không nộp cho kế toán mà chiếm đoạt số tiền này. Đối với số tiền còn lại đại lý đã trả cho công ty. Lần 2, ngày 18/6/2022 K lấy hàng của cửa hàng đi bán, tự viết hoá đơn bán hàng và ghi nợ cho đại lý số tiền 9.970.000 đồng, đại lý xác nhận không nhập đơn hàng này. K chiếm đoạt số tiền 9.970.000 đồng. Như vậy, cả 02 lần K đã chiếm đoạt của Công ty A số tiền 12.970.000 đồng. Ngoài ra, K mượn của đại lý 03 sản phẩm gồm: 01 tivi Rindo 32 in, 01 bếp từ F88 và 01 bếp từ FI6 tổng trị giá 12.557.500 đồng chưa trả lại, Công ty A đã khắc phục cho đại lý số sản phẩm trên.

Đối với đại lý T do anh Đoàn Văn A, trú tại số 80, phường H, TP. Phủ Lý, tỉnh Hà Nam làm chủ, thực tế đại lý không phát sinh nợ. Ngày 21/7/2022 K tự lấy hàng của cửa hàng mang đi bán, tự viết hoá đơn và báo nợ của đại lý về công ty số tiền 11.600.000 đồng, K đã chiếm đoạt số tiền này.

Đối với đại lý Đ do chị Phạm Thị Q, trú tại thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hóa đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 3.540.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 20/6/2022 K gửi tại đại lý 02 quạt mã L86 trị giá 3.540.000 đồng và viết hoá đơn bán hàng cho đại lý. Ngày 22/7/2022 K đã thu hồi hai quạt trên nhưng không nhập về cửa hàng mà mang đi bán lẻ cho khách lấy tiền chi tiêu cá nhân, vẫn để nợ cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 3.540.000 đồng.

Đối với đại lý T do chị Bùi Thị H, trú tại C, xã T, huyện X, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 29.970.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý có nhập hàng của K, sau mỗi lần nhập đều đã thanh toán hoặc thanh toán một phần theo đơn hàng. Đến ngày 05/8/2022, đại lý xác nhận nợ với Công ty A là 16.390.000 đồng (đến nay đã thanh toán đầy đủ). Như vậy K đã chiếm đoạt số tiền 13.580.000 đồng. Ngoài ra, K mượn của đại lý 01 điều hoà Sumikura trị giá 5.400.000 đồng chưa trả lại. Công ty A đã khắc phục trả cho đại lý chiếc điều hoà trên.

Đối với đại lý K do ông Nguyễn Trung K, trú tại thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 6.250.000 đồng. Thực tế xác định, ngày 16/8/2022 K tự lấy hàng của cửa hàng đi bán, tự viết hoá đơn bán hàng trị giá 6.250.000 đồng và ghi nợ cho đại lý. K đã chiếm đoạt số tiền 6.250.000 đồng.

Đối với đại lý C do anh Nguyễn Văn B, trú tại thôn 2, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 28.560.000 đồng nhưng khoản nợ thực tế là 21.930.000 đồng. Công ty A không cung cấp được hoá đơn xác định nợ cũ do nhân viên kinh doanh nào để phát sinh, do đó không có căn cứ chứng minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật đối với số tiền 6.630.000 đồng. Ngoài ra, K mượn của đại lý 01 loa kéo, 01 bộ đẩy trị giá 7.300.000 đồng chưa trả nhưng không nhập về cửa hàng. Công ty đã đứng ra khắc phục trả lại số hàng trên cho đại lý.

Đối với đại lý Y do chị Nguyễn Thị Kim Y, trú tại thôn L, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam làm chủ, quá trình bán hàng K mượn của đại lý T 02 bộ xử lý âm thanh CX888 trị giá 3.100.000 đồng. K đã bán cho khách lấy tiền tiêu sài, chưa trả lại tiền cho đại lý. Công ty A đã khắc phục trả lại tài sản trên trị giá 3.100.000 đồng cho đại lý

Đối với đại lý H do anh Vũ Anh T, trú tại Khu công nghiệp C, xã N, thị xã D, tỉnh Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn nhân viên kinh doanh gửi về, đại lý có nợ 7.310.000 đồng. Thực tế xác định đại lý không nợ, Công ty A không cung cấp được hoá đơn xác định nợ do nhân viên kinh doanh nào để phát sinh, do đó không có căn cứ chứng minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với đại lý H do chị Nguyễn Thị C, trú tại thôn A, xã H, huyện M, TP. Hà Nội làm chủ, theo hoá đơn K gửi về công ty, đại lý nợ 10.420.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý có nợ là 2.250.000 đồng. Khi nhập hàng đại lý đều ghi sổ theo dõi phần nợ và đã thanh toán đều có ký nhận của K. Như vậy, K đã chiếm đoạt số tiền 8.170.000 đồng. Ngoài ra K mượn của đại lý 06 sản phẩm trị giá 13.724.000 đồng chưa trả. Công ty A đã khắc phục trả cho đại lý các tài sản trên trên.

Đối với đại lý V do anh Trần Ngọc V, trú tại số 113, thị trấn V, L, Hà Nam làm chủ, theo hoá đơn K gửi về, đại lý có nợ 5.580.000 đồng. Thực tế xác định, đại lý có nợ là 1.380.000 đồng, còn lại đã thanh toán cho nhân viên kinh doanh. Công ty A không cung cấp được hoá đơn xác định nhân viên nào để phát sinh nợ với số tiền 4.200.000 đồng, do đó không có căn cứ chứng minh làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

Như vậy trong khoảng thời gian từ ngày 24/01/2022 đến ngày 16/8/2022, khi được giao nhiệm vụ quản lý và bán hàng tại Cửa hàng điện máy T, Vũ Văn K

đã chiếm đoạt tiền bán hàng cho các đại lý, khách hàng với tổng số tiền 209.330.000 đồng và số hàng còn lại trên xe ngày 02/5/2022 là 71.520.000 đồng. Tổng số tiền và giá trị hàng hóa Vũ Văn K đã chiếm đoạt của Công ty A là 280.850.000 đồng.

Đối với số tiền còn lại theo đơn trình báo của ông Đào Văn V, gồm: Số tiền 72.680.000 đồng là số tiền thực tế các đại lý còn nợ; số tiền 6.600.000 đồng của xe hàng ngày 02/5/2022, K đã nộp về công ty; số tiền 23.140.000 đồng (gồm đại lý T số tiền 7.310.000 đồng, C số tiền 6.630.000 đồng, V số tiền 4.200.000 đồng, Đ số tiền 5.000.000 đồng) không có đủ căn cứ kết luận Vũ Văn K chiếm đoạt. Đối với việc K mượn hàng của 06 đại lý tổng trị giá 48.431.500 đồng và bán hàng 03 gói khuyến mại nhưng không báo về công ty, công ty A phải đứng ra bồi thường thiệt hại cho 03 đại lý quy đổi ra giá trị là 27.000.000 đồng, đây là giao dịch dân sự, K phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty A.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tạm giữ:

- Tạm giữ của ông Đào Văn V: Tài liệu thể hiện hàng mượn và trả thưởng: 07 biên bản xác nhận xử lý hàng hóa giữa công ty A với đại lý (K mượn hàng), 03 hóa đơn bán hàng trả thưởng cho 03 đại lý (gói khuyến mại). Tài liệu thể hiện hàng thất thoát, công nợ: Tài liệu, hóa đơn và các bảng tổng hợp hàng hóa nhập vào cửa hàng tại X (gồm 198 trang) và tài liệu thể hiện xuất hàng từ ngày 18/3/2022 đến ngày 05/8/2022 (gồm 540 trang); biên bản kiểm kê thực tế cửa hàng ngày 05/8/2022; tổng hợp công nợ của cửa hàng đến ngày 23/7/2022. Tài liệu về công ty, địa điểm kinh doanh, nội quy và quy chế công ty, nhân sự gồm: Nội quy và quy chế công ty điện máy A (08 tờ); 01 biên bản họp; 01 Quyết định về việc bổ nhiệm quản lý Vũ Văn K cùng 01 phô tô căn cước công dân K, 01 sổ hộ khẩu, 01 xác thực giấy tờ tùy thân; 01 sơ yếu lý lịch, 01 hợp đồng lao động phô tô giữa Vũ Văn K với công ty A; 01 quyết định bổ nhiệm thủ kho kiêm thủ quỹ Vũ Thị N cùng 01 sơ yếu lý lịch, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh, 01 xác thực giấy tờ tùy thân, 01 căn cước công dân; 19 tờ tài liệu trích từ Zalo nhóm “XNT Hà Nam”; tài liệu của 35 đại lý thể hiện công nợ; tài liệu về 10 đại lý K mượn hàng của khách và các đại lý phải đền khuyến mại; 01 đơn hàng số 001 ngày 02/5/2022 (chuyển hàng từ Hưng Yên sang Hà Nam do K ký nhận); 01 bảng tổng hợp công nợ tính đến ngày 05/8/2022). Tài liệu về hàng thất thoát tại cửa hàng: 01 bản tổng hợp tồn kho (06 trang), danh sách hàng thiếu (07 trang) từ ngày 17/3/2022 đến ngày 05/8/2022 tại cửa hàng T, 01 bảng báo giá sản phẩm của nhãn hàng Forci (03 trang), 01 thống kê chi tiết công nợ của Công ty CP tập đoàn Rindo Việt Nam (02 trang), 02 biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ giữa Công ty A với Công ty CP đầu tư SK tại Hà Nội (10 trang), 01 biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty CP Goldsun Việt Nam với Công ty ASC (02 trang), 01 thông báo giá của Công ty CP Groupe Seb Việt Nam (07 trang), 07 hóa đơn điện tử của các nhà phân phối thanh toán với Công ty A, 01

bản báo giá nhà phân phối âm thanh AAR năm 2022, 01 danh sách thiếu hàng tính ngày 25/7/2022.

- Tạm giữ của ông Vũ Trọng T: 01 giấy nộp tiền, 01 biên bản thỏa thuận lần 1, 01 đơn xác nhận, 01 Huân chương kháng chiến, 01 Huy chương chiến thắng, 01 giấy biên nhận tiền.

- Tạm giữ của chị Lương Thị H: 01 sao kê chuyển tiền đề ngày 19, 20/7/2022; 02 tờ ảnh chụp lại màn hình tìm nhóm Zalo; 01 hóa đơn bán hàng, tên khách hàng ghi L qua giấy than, xác nhận nhập hàng, có chữ ký xác nhận của Lương Thị H.

- Tạm giữ của chị Bùi Thị H: 23 hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn có chữ viết qua giấy than, tại các hóa đơn có chữ ký ghi rõ họ tên của chị Bùi Thị H; 01 hóa đơn của đại lý H đề ngày 24/7/2022; Tạm giữ của anh Lã Văn V: 01 hóa đơn bán hàng số 0010 ngày 19/4/2022 của Công ty A; Tạm giữ của anh Phạm Trung K: 01 hóa đơn bán hàng mã đơn hàng HD059457 ngày 06/6/2022 của Công ty CP phát triển thương mại và ứng dụng công nghệ Việt; Tạm giữ của anh Dương Quốc H: 01 hóa đơn bán hàng; Tạm giữ của anh Nguyễn Bá K: 04 hóa đơn bán hàng; Tạm giữ của anh Nguyễn Duy N: 01 phiếu thống kê nhập hàng; Tạm giữ của anh Nguyễn Trần L: 12 hóa đơn bán hàng; Tạm giữ của chị Trần Thị G (đại lý K): 01 hóa đơn bán hàng số 0007 của Công ty A ngày 22/10/2022; Tạm giữ của chị Phạm Thị Q: 01 tờ ghi nợ của cửa hàng điện máy A từ ngày 08/6/2022 đến 21/6/2022 có chữ ký ghi rõ họ tên của Phạm Thị Q.

- Tạm giữ của anh Trần Văn N: 02 tờ A4 thể hiện việc nhập hàng, thanh toán với công ty A, mỗi tờ có chữ ký xác nhận của ông Trần Văn N; Tạm giữ của chị Vũ Thị N: 01 quyển sổ màu đen, bên trong sổ có 49 tờ và 01 quyển sổ màu đỏ, bên trong có 70 trang, đều có ghi lại một số ngày xuất nhập hàng cho nhân viên kinh doanh của cửa hàng T từ ngày 21/6/2022 đến ngày 22/7/2022 do chị N tự viết, tự ký; 01 biên bản thỏa thuận giữa công ty A với chị Vũ Thị N; 01 bảng thống kê hàng tồn trên xe giữa thủ kho và Vũ Văn K đến ngày 24/7/2022 có chữ ký xác nhận của Vũ Văn K (03 tờ).

- Tạm giữ của công ty A: Bảng tổng hợp tồn kho ngày 17/3/2022 đã chốt với N (đã trừ hàng bảo hành); Bảng tổng hợp tồn kho ngày 17/3/2022 do kế toán công ty tổng hợp lại dựa theo báo cáo gửi trên nhóm Zalo của N (tất cả các sản phẩm); tổng hợp các đơn hàng nhập từ các nhà cung cấp và chuyển thẳng về kho Hà Nam; tổng hợp các đơn hàng nhập từ Hưng Yên chuyển về Hà Nam do N viết hóa đơn và không viết hóa đơn; tổng hợp các hóa đơn đại lý trả lại hàng, hàng nhập lại nằm trong hóa đơn bán được tách ra để làm đầu vào của kho Hà Nam.

Các mặt hàng chuyển từ kho Hà Nam về kho Hưng Yên từ ngày

18/3/2022 đến ngày 05/8/2022 do N báo cáo trên nhóm + bảng chi tiết xuất về kho Hưng Yên kèm theo; xuất bán hàng từ ngày 18/3/2022 đến ngày 31/3/2022 và các tháng 4, 5, 6, 7, 8 do N báo cáo lên nhóm + bảng thu chi của N kèm theo + bảng chi tiết xuất bán.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 19/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định: Căn cứ vào các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 04/02/2023.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 28 tháng 10 năm 2023, bị cáo Vũ Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Vũ Văn K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Vũ Văn K; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 19/10/2023 Tòa án nhân dân huyện K.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn K từ 05 (năm) đến 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2023; án phí hình sự phúc thẩm bị cáo không phải chịu.

Bị cáo Vũ Văn K nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Văn K trong thời hạn luật định; nội dung bảo đảm đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật tố tụng hình sự nên là hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, Vũ Văn K thành khẩn khai nhận hành vi của mình như bản án sơ thẩm. Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ khác. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Vũ Văn K được Công ty TNHH điện máy A tuyển dụng và giao nhiệm vụ quản lý, điều hành, điều phối toàn bộ hoạt động kinh doanh, kiêm nhân viên kinh doanh của Cửa hàng điện máy T tại thôn X, xã V, huyện K. Trong thời gian từ ngày 24/01/2022 đến ngày 16/8/2022, Vũ Văn K mang hàng hóa từ cửa hàng đi bán cho các đại lý và khách hàng; sau khi nhận tiền, K không chuyển hoặc chuyển không đủ số tiền đã bán theo hóa đơn về kế toán công ty mà tự ý sửa chữa, viết lại hoá đơn, viết khống hoá đơn bán hàng rồi ghi nợ cho các đại lý để chiếm đoạt số tiền 209.330.000 đồng của Công ty A. Ngoài ra, ngày 02/5/2022, K còn nhận xe hàng tại kho hàng Công ty A trị giá 78.120.000 đồng mang đi bán được số tiền 6.600.000 đồng nộp về công ty, số hàng còn lại trị giá 71.520.000 đồng K không nhập về cửa hàng mà chiếm đoạt. Tổng số tiền K đã chiếm đoạt của công ty A là 280.850.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Văn K đã phạm vào tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại; gia đình bị cáo có ông nội có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân chương, Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình Đơn trình bày gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới và đã bồi thường khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt, vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về lao động nuôi dưỡng, chăm sóc con cái và gia đình.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Vũ Văn K được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn K; sửa Bản án hình sự sơ

thẩm số 93/2023/HS-ST ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam về phần hình phạt.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn K 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2023.

3. Bị cáo Vũ Văn K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện K;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện K;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải